

Quyết định số: **05/2025/HS-GĐT**
Ngày 06 tháng 3 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Lê Tự**

Các thành viên Hội đồng giám đốc thẩm: ông **Lê Văn Thường** và ông **Nguyễn Tấn Long**

- Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Minh Nhật** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Nam Anh**- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hình sự đối với:

Người bị kết án:

1. **Hà Ngọc B**, sinh ngày 09/9/1977, tại tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: **thôn F, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum**; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Hà Văn T**, sinh năm 1957 và bà **Vũ Thị D**, sinh năm 1956; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/9/2023 đến ngày 15/12/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh.

2. **Hà Tuấn A**, sinh ngày 03/8/1989, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKHKTT: **thôn M, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum**; nơi ở hiện nay: **thôn I, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Mường; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Hà Xuân D1** (đã chết) và bà **Trương Thị H**, sinh năm 1967; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/4/2023 cho đến ngày 28/8/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. **Nguyễn Hoài Đ**, (tên gọi khác: **Đức M**), sinh ngày 01/6/1993, tại **tỉnh Kon Tum**; cư trú: **Tổ D, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum**; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Công giáo; con ông **Nguyễn Văn B1**, sinh năm 1957 và bà **Võ Thị C**, sinh năm 1959; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ

ngày 11/8/2023 đến ngày 28/10/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh.

4. **A K**, sinh ngày 09/02/2004, tại tỉnh Kon Tum; nơi cư trú: **thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum**; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Giơ Lâng; giới tính: nam; tôn giáo: Công giáo; con ông **A K1**, sinh năm 1965 và bà **Y Y**, sinh năm 1964; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Kon Tum.

Địa chỉ trụ sở: **thôn A, xã T, huyện K, tỉnh Kon Tum**.

Người đại diện theo pháp luật: ông **Võ Văn L**; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Kon Tum.

- Bị hại:

Cộng đồng **thôn D (K), xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum**.

Người đại diện: ông **A H1 - Thôn T (K), xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum**.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **A T1**, sinh năm 2002; nơi cư trú: **thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum**.

2. Anh **Nguyễn Tấn T2**, sinh năm 1997; nơi cư trú: **thôn A, xã T, huyện K, tỉnh Kon Tum**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Khoảng tháng 10 năm 2022, **Hà Ngọc B** liên lạc với **Hà Tuấn A** xuống khu vực dự án của **Công ty TNHH N2** (tên thường gọi: **Công ty T3**) tại **huyện K** để cắt hạ cây rừng lấy đất sản xuất. Sau đó, **B** chở **Hà Tuấn A** đến ở phòng trọ của **Đ** và nhờ **Đ** hỗ trợ, chỉ dẫn cho **Hà Tuấn A** biết khu vực rừng cần cắt hạ cây. **Tuấn A** yêu cầu **B** có người phụ giúp thì **B** nói **Tuấn A** hỏi **Đ**. **Đ** gọi điện thoại cho anh **Đình Đại Hải D2** và nói: “Em bố trí một người nào đó trong tổ, đưa nào biết cắt cưa đi phụ việc cho **Hà Tuấn A** làm cho anh **B**”, anh **D2** đã phân công những công nhân của **Công ty T3** làm cùng đội với mình gồm: **A K, A T1** và **Nguyễn Tấn T2** để đi phụ giúp bị cáo **Hà Tuấn A** cắt hạ cây rừng. Sau khi được phân công đi phụ giúp cho **Hà Tuấn A** thì **A K, A T1** và **Nguyễn Tấn T2** đã biết rõ không phải là công việc hàng ngày mà mình được giao và khi đến nơi thấy **Hà Tuấn A** cắt hạ cây thì ba người cũng biết đây là khu vực rừng nhưng vẫn tiếp tục phụ giúp **Hà Tuấn A**, cụ thể:

Lần thứ nhất: **Hà Tuấn A** cùng với **A K** đi vào khu vực rừng thuộc lô 9 và lô 14, khoảnh 5, **Tiểu khu E** là rừng tự nhiên, chức năng rừng sản xuất, do hộ gia đình ông **A N** nhận quản lý, bảo vệ rừng và Cộng đồng **thôn D (K), xã Đ** nhận khoán quản lý, bảo vệ rừng. Tại đây, **Hà Tuấn A** lấy các công cụ đã giấu trước đó ra, rồi phân công **A K** sử dụng dao rựa đã mang theo để phát cây bụi xung quanh gốc cây gỗ và mang xẻng, nhót đi theo **Hà Tuấn A** để đổ vào máy

cưa, còn Hà Tuấn A sử dụng cưa để cắt hạ cây. A K đi phụ giúp Hà Tuấn A đến ngày thứ 4 thì không làm nữa.

Lần thứ hai: Hà Tuấn A cùng với A T1 đến khu vực rừng Hà Tuấn A và A K đã cắt hạ trước đó. Khi đến nơi, A T1 mang xăng, nhớt đi theo Hà Tuấn A để đổ vào máy cưa, còn Hà Tuấn A sử dụng cưa để cắt hạ cây rừng. A T1 đi phụ giúp Hà Tuấn A đến ngày thứ hai thì không làm nữa, Hà Tuấn A báo cho B và Đ biết, sau đó Đ lại gọi điện thoại cho D2 để bố trí người khác.

Lần thứ ba: Hà Tuấn A cùng Nguyễn Tấn T2 đi đến khu vực rừng Hà Tuấn A, cùng với A K và A T1 đã cắt hạ trước đó. Hà Tuấn A phân công Thương phụ giúp mình giống như công việc của A K, A T1, làm được hai ngày thì nghỉ.

Ngày 22/02/2023, Hạt Kiểm lâm huyện K phối hợp với UBND xã Đ tiến hành tuần tra, kiểm tra tại Tiểu khu E thuộc địa phận xã Đ, huyện K. Qua kiểm tra phát hiện khu vực rừng thuộc lô 20, khoảnh 2; lô 4, 9, 14 khoảnh 5, Tiểu khu E bị chặt phá với diện tích là 19.884 m².

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường hồi 8 giờ 20 phút ngày 24/02/2023 tại Tiểu khu E địa giới hành chính xã Đ, huyện K thể hiện: Hiện trường vụ án là khu vực rừng tại khoảnh 2, khoảnh E, Tiểu khu E thuộc lâm phần do các hộ gia đình A V, A B2, A N và Cộng đồng thôn D, xã Đ, huyện K quản lý, bảo vệ. Tổng diện tích rừng bị thiệt hại đo được bằng máy định vị cầm tay nhãn hiệu GPS GARMIN 78s là 19.884 m², trong đó: phần diện tích rừng 9.441 m² thuộc lô 20, khoảnh 2 và lô 4, lô 9, lô 14 khoảnh 5 thì toàn bộ gỗ tại hiện trường đã bị đốt cháy hoàn toàn và than hóa; phần diện tích rừng 10.443 m² thuộc lô 9, lô 14 khoảnh 5 thì toàn bộ gỗ tại hiện trường đã bị đốt cháy nham nhở. Dấu vết để lại tại các góc cây, thân cây cho thấy các cây gỗ có đường kính từ 10 cm trở lên thì bị cắt hạ bằng máy cưa xăng, còn các cây gỗ nhỏ hơn, cây bụi và le thì bị chặt bằng công cụ là rựa, với dấu vết cắt, chặt đã cũ.

Tại biên bản thực nghiệm điều tra hồi 8 giờ 00 phút ngày 11/03/2023, tại Tiểu khu E rừng thuộc xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum thể hiện: Hà Tuấn A, A K, A T1 và Nguyễn Tấn T2 đã xác định vị trí, diện tích rừng đã hủy hoại là 10.443 m², cụ thể:

- Bị cáo Hà Tuấn A và bị cáo A K đã hủy hoại 5.716,710 m² rừng.
- Bị cáo Hà Tuấn A và A T1 đã hủy hoại 2.512,778 m² rừng.
- Bị cáo Hà Tuấn A và Nguyễn Tấn T2 đã hủy hoại 2.213,692 m².

Tại Bản kết luận giám định tư pháp ngày 05/4/2023 của Chi cục kiểm lâm tỉnh K kết luận: khu vực rừng bị hủy hoại tại khoảnh B, khoảnh 5, Tiểu khu E là rừng tự nhiên, chức năng rừng sản xuất; Số cây gỗ bị hủy hoại đều thuộc chủng loại SP thuộc nhóm VIII và bị thiệt hại 100%. Tổng khối lượng gỗ bị thiệt hại trên diện tích rừng 19.884m² bị hủy hoại tại khoảnh 2, khoảnh 5, Tiểu khu E là 29,410 m³, sản lượng gỗ thương phẩm là 0,000 m³, số lượng cây tái sinh (đường kính D1,3<10cm, chiều cao từ 1,6 đến 5m) bị thiệt hại là 3.818 cây.

Khối lượng gỗ bị thiệt hại trên diện tích rừng do Hà Tuấn A, A K, A T1 và Nguyễn Tấn T2 hủy hoại là 15,446 m³, sản lượng gỗ thương phẩm là 0,000 m³, số lượng cây tái sinh bị thiệt hại là 2.004 cây. Trong đó, Hà Tuấn A cùng với Nguyễn Tấn T2 hủy hoại khối lượng gỗ thiệt hại là 3,274 m³, số lượng cây tái sinh bị thiệt hại là 425 cây; Hà Tuấn A cùng với A T1 hủy hoại khối lượng gỗ thiệt hại là 3,717 m³, số lượng cây tái sinh bị thiệt hại là 482 cây; Hà Tuấn A cùng với A K hủy hoại khối lượng gỗ thiệt hại là 8,455 m³, số lượng cây tái sinh bị thiệt hại là 1097 cây.

Tại Kết luận định giá tài sản số 04/KLĐGTS ngày 01/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận: tổng giá trị 29,410 m³ gỗ bị thiệt hại tại khu vực rừng bị hủy hoại tại khoảnh B, khoảnh 5, tiểu khu E là 25.782.777 đồng; tổng giá trị thiệt hại phải bồi thường đối với 19.884 m² là 100.523.763 đồng. Trong đó: tổng giá trị 15,446 m³ gỗ bị thiệt hại tại khu vực rừng do Hà Tuấn A, A T1, A K và Nguyễn Tấn T2 hủy hoại là 13.540.997 đồng; tổng giá trị thiệt hại phải bồi thường đối với 10.443,18 m² rừng tự nhiên, chức năng rừng sản xuất do Hà Tuấn A, A T1, A K và Nguyễn Tấn T2 hủy hoại là 50.917.944 đồng. Cụ thể: giá trị phải bồi thường đối với 5.716,710 m² diện tích rừng do Hà Tuấn A, A K hủy hoại là 26.268.363 đồng; giá trị phải bồi thường đối với 2.512,778 m² diện tích rừng do Hà Tuấn A, A T1 hủy hoại là 13.009.365 đồng; giá trị phải bồi thường đối với 2.213,692 m² diện tích rừng do Hà Tuấn A, Nguyễn Tấn T2 hủy hoại là 11.640.216 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2024/HS-ST ngày 11/3/2024, Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Hà Ngọc B, Hà Tuấn A, Nguyễn Hoài Đ và A K phạm tội “Hủy hoại rừng”.

2. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Hà Ngọc B 39 (ba mươi chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 20/9/2023 cho đến ngày 15/12/2023.

- Xử phạt bị cáo Hà Tuấn A 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 18/4/2023 cho đến ngày 28/8/2023.

3. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài Đ 36 (ba mươi sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/3/2024).

Giao bị cáo Nguyễn Hoài Đ cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục

bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

4. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **A K** 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/3/2024).

Giao bị cáo **A K** cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23/3/2024, bị cáo **Hà Ngọc B** kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm trả hồ sơ để xác định lại diện tích rừng bị hủy hoại, giám định và định giá lại. Ngày 06/5/2024, bị cáo **Hà Ngọc B** có đơn thay đổi nội dung kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Ngày 25/3/2024, bị cáo **Hà Tuấn A** có đơn kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Ngày 02/4/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum kháng nghị bản án sơ thẩm về phần xác định trách nhiệm dân sự, án phí đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải bồi thường toàn bộ thiệt hại được xác định trong vụ án theo yêu cầu của nguyên đơn dân sự là 64.458.942 đồng, căn cứ mức độ lỗi của mỗi bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xác định số tiền cụ thể phải bồi thường và căn cứ để xác định án phí phải nộp.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 17/2024/HS-PT ngày 19/6/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum đối với nội dung buộc các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải bồi thường toàn bộ thiệt hại được xác định trong vụ án theo yêu cầu của nguyên đơn dân sự là 64.458.942 đồng.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum đối với nội dung kháng nghị cấp sơ thẩm không căn cứ mức độ lỗi để quyết định số tiền bồi thường cụ thể của từng bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng quy định tại Điều 587 của Bộ luật Dân sự và không xác định số tiền

án phí dân sự sơ thẩm cụ thể mà mỗi người phải nộp là chưa phù hợp và gây khó khăn cho việc thi hành án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo [Hà Ngọc B](#), [Hà Tuấn A](#).

Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2024/HS-ST ngày 11/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum để điều tra lại.

Giao hồ sơ cho Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

- Ngày 08/7/2024, Liên ngành các cơ quan: Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy - Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Rẫy - Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an huyện K](#) - Hạt Kiểm lâm [huyện K](#) có Báo cáo đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hình sự phúc thẩm số 17/2024/HS-PT ngày 19/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum để xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 01/2024/KN-HS ngày 16/12/2024, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án hình sự phúc thẩm số 17/2024/HS-PT ngày 19/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng giám đốc thẩm chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 01/2024/KN-HS ngày 16/12/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tội danh:

Do muốn có đất để sản xuất nên khoảng tháng 10/2022, [Hà Ngọc B](#) gọi [Hà Tuấn A](#) đi cắt cây rừng, nhờ [Nguyễn Hoài Đ](#) tìm người hỗ trợ cho [Hà Tuấn A](#). [Nguyễn Hoài Đ](#) nhờ anh [Đình Đại Hải D2](#) phân công [A K](#), [A T1](#) và [Nguyễn Tấn T2](#) (cùng là công nhân của [Công ty TNHH N2](#)) đi phụ giúp [Hà Tuấn A](#). Mặc dù biết [Hà Tuấn A](#) cắt hạ cây rừng trái phép nhưng [A K](#), [A T1](#) và [Nguyễn Tấn T2](#) vẫn đồng ý.

Trong tháng 10 năm 2022, các bị cáo nhiều lần cắt hạ cây rừng tại lô I, lô 14 khoảnh 5, [Tiểu khu E](#) là rừng tự nhiên, chức năng rừng sản xuất, thuộc lâm phần do các hộ gia đình [A V](#), [A B2](#), [A N](#) và Cộng đồng [thôn D](#), [xã Đ](#), [huyện K](#) quản lý, bảo vệ. Theo Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 24/02/2023, tổng diện tích rừng bị hủy hoại là 19.884 m², gồm diện tích rừng 9.441 m² thuộc lô 20, khoảnh 2 và lô 4, lô 9, lô 14 khoảnh 5 toàn bộ gỗ tại hiện trường đã bị đốt cháy hoàn toàn và than hóa và phần diện tích 10.443 m² thuộc lô 9, lô 14 khoảnh 5 thì toàn bộ gỗ tại hiện trường đã bị đốt cháy nham nhở. Theo kết quả thực nghiệm điều tra ngày 11/03/2023 tại [Tiểu khu E](#) rừng thuộc [xã Đ](#), [huyện K](#),

tỉnh Kon Tum (bút lục 1037-1038), các bị cáo Hà Tuấn A, A K, A T1 và Nguyễn Tấn T2 xác định vị trí diện tích rừng đã hủy hoại, kết quả đo đạc xác định các bị cáo hủy hoại diện tích 10.443,18 m², cụ thể: Hà Tuấn A cùng A K đã hủy hoại diện tích 5.716,710 m² rừng, gây thiệt hại 26.268.363 đồng; Hà Tuấn A cùng A T1 đã hủy hoại diện tích 2.512,778 m² rừng, gây thiệt hại 13.009.365 đồng; Hà Tuấn A cùng Nguyễn Tấn T2 hủy hoại diện tích 2.213,692 m² rừng, gây thiệt hại 11.640.216 đồng.

Do đó, Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy xét xử các bị cáo Hà Ngọc B, Hà Tuấn A, Nguyễn Hoài Đ, A K tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại Điều 243 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

[2]. Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 17/2024/HS-PT ngày 19/6/2024, Tòa án nhân dân tỉnh KonTum quyết định hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2024/HS-ST ngày 11/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy để điều tra lại với lý do các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm chưa xác định rõ vị trí, diện tích rừng bị hủy hoại. Xét thấy, các bị cáo Hà Ngọc B, Hà Tuấn A, Nguyễn Hoài Đ, A K bị truy tố, xét xử về tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại Điều 243 của Bộ luật Hình sự; căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là diện tích, loại rừng và giá trị thiệt hại (trong trường hợp rừng bị thiệt hại không tính được bằng diện tích). Để xác định chính xác diện tích rừng bị thiệt hại cần căn cứ vào kết quả khám nghiệm hiện trường, kết quả thực nghiệm điều tra.

[2.1]. Theo Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 24/02/2023, tổng diện tích rừng bị hủy hoại là 19.884 m² tại khoảnh 2, khoảnh E, Tiểu khu E thuộc lâm phần do các hộ gia đình A V, A B2, A N và Cộng đồng thôn D, xã Đ, huyện K quản lý, bảo vệ gồm: diện tích rừng 9.441 m² thuộc lô 20, khoảnh 2 và lô 4, lô 9, lô 14 khoảnh 5 thì toàn bộ gỗ tại hiện trường đã bị đốt cháy hoàn toàn và than hóa; phần diện tích 10.443 m² thuộc lô 9, lô 14 khoảnh 5 thì toàn bộ gỗ tại hiện trường đã bị đốt cháy nham nhở. Trong phần diện tích này, dấu vết để lại tại các gốc cây, thân cây cho thấy các cây gỗ có đường kính từ 10 cm trở lên thì bị cắt hạ bằng máy cưa xăng, còn các cây gỗ nhỏ hơn, cây bụi và le thì bị chặt bằng công cụ là rựa, với dấu vết cắt, chặt đã cũ (bút lục 1031-1034).

Diện tích rừng bị hủy hoại là 19.884 m², gồm 02 phần: phần diện tích 9.441m² và phần diện tích 10.443 m². Trong đó, phần diện tích rừng các bị cáo hủy hoại trong vụ án này được xác định là 10.443m² là phù hợp. Bởi lẽ, quá trình điều tra các bị cáo khai nhận thời điểm các bị cáo bắt đầu cắt hạ cây rừng từ tháng 10 năm 2022 nhưng đến ngày 24/02/2023 mới khám nghiệm nên các gốc cây tại hiện trường có dấu vết cắt, chặt đã cũ. Việc ghi giáp ranh tứ cận tại biên bản khám nghiệm hiện trường “phía Nam giáp tuyến đường mòn cũ” phù hợp với bản ảnh kèm theo biên bản khám nghiệm hiện trường (bút lục số 1051-1052). Do đó, việc A H1 và A N1 khai khu vực rừng bị hủy hoại cách thác nước khoảng 200m và cách đường đất do Công ty TNHH N2 mở khoảng 50m là không mâu thuẫn với biên bản khám nghiệm hiện trường. Tại Biên bản ghi lời

khai ngày 26/7/2024 (bút lục 2330- 2332), **A H1** và **A N1** cũng xác định khoảng cách nêu trên chỉ là ước lượng vì khi đó họ đứng gần nhà chòi trên đỉnh đồi.

Về vị trí rừng các bị cáo hủy hoại theo Biên bản ghi lời khai ngày 10/3/2023 (lúc này bị cáo chưa chỉ dẫn khu vực rừng mà mình cắt hạ cho cơ quan chức năng, chưa thực nghiệm điều tra; bút lục 1541-1543), **Hà Tuấn A** khai: “Khu vực đồi anh **Đ** phân công tôi đi phát dọn và cắt hạ cây là khu vực ngoài dự án của **công ty T3**, khoảng cách từ khu vực đồi đến khu vực của công ty là khoảng 50m và gần khu vực quả đồi là có thác nữa”. Như vậy, lời khai của **Tuấn A** không mâu thuẫn với biên bản khám nghiệm hiện trường, vì bản thân bị cáo **Hà Tuấn A** cũng không biết khu vực đất của dự án **Công ty T3** đến khu vực nào nên khoảng cách 50m chỉ là bị cáo ước lượng.

Lời khai của bị cáo **A K** tại Biên bản ghi lời khai ngày 10/3/2023 (bút lục 1608): “...Khi tôi và **Tuấn A** đến thì một số cây đã bị cắt hạ từ trước...” phù hợp với lời khai của **Hà Tuấn A**: “Quá trình bị can cùng với **A K**, **A T1** và **Nguyễn Tấn T2** đi cắt hạ cây rừng tại **Tiểu khu E** thì bị can cũng thấy khu vực rừng bên cạnh đã bị cắt hạ nham nhở..” (bút lục 2023A). Xét thấy, lời khai của các bị cáo không mâu thuẫn với biên bản khám nghiệm hiện trường, cũng phù hợp với hiện trạng thực tế bên cạnh khu vực rừng các bị **Hà Tuấn A**, **A K**, **A T1** và **Nguyễn Tấn T2** đã hủy hoại trước đó được **Hà Ngọc B** và **Nguyễn Hoài Đ** thuê nhóm người A Quân ở **xã M huyện K** phát dọn thực bì vào khoảng tháng 5/2022. Bị cáo **A K** cũng thừa nhận khu vực mà bị cáo phụ giúp bị cáo **Hà Tuấn A** đứng là vị trí khu vực rừng đã chỉ cho Cơ quan điều tra trong quá trình thực nghiệm điều tra (các bút lục 1612-1622; 1626-1628).

[2.2]. Theo kết quả thực nghiệm điều tra ngày 11/03/2023 tại **Tiểu khu E** rừng thuộc **xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum** (bút lục 1037-1038) thể hiện: các bị cáo **Hà Tuấn A**, **A K**, **A T1** và **Nguyễn Tấn T2** là những người xác định vị trí diện tích rừng đã hủy hoại để cơ quan có thẩm quyền định vị tọa độ, vị trí để đo đạc diện tích, kết quả cụ thể: **Hà Tuấn A** và **A K** đã hủy hoại 5.716,710 m² rừng, trong đó gồm 1.467,6 m² rừng thuộc **lô I**, khoảnh 5, **Tiểu khu E** do hộ gia đình ông **A N** quản lý, bảo vệ và 4.249,11m² rừng thuộc **lô 14**, khoảnh 5, **Tiểu khu E** do hộ cộng đồng **thôn D, xã Đ** quản lý, bảo vệ. **Hà Tuấn A** và **A T1** đã hủy hoại 2.512,778 m² rừng, trong đó có 2.282,778 m² rừng thuộc **lô I**, khoảnh 5, **Tiểu khu E** do hộ gia đình ông **A N** quản lý, bảo vệ và 230 m² rừng thuộc **lô 14**, khoảnh 5, **Tiểu khu E** do hộ cộng đồng **thôn D, xã Đ** quản lý, bảo vệ. **Hà Tuấn A** và **Nguyễn Tấn T2** đã hủy hoại 2.213,692 m² rừng thuộc **lô I**, khoảnh 5, **Tiểu khu E** do hộ gia đình ông **A N** quản lý, bảo vệ.

Trong giai đoạn điều tra, **Hà Tuấn A**, **A K**, **A T1** và **Nguyễn Tấn T2** đều khai nhận vị trí, diện tích rừng bị hủy hoại là do các đối tượng chỉ dẫn cơ quan chức năng xác định. **Hà Tuấn A** và **A K** cũng thừa nhận khu vực rừng mà hai đối tượng này cắt hạ là khu vực rừng đã chỉ cho Cơ quan điều tra tại buổi thực nghiệm điều tra ngày 11/03/2023 (bút lục số 1512; 1549 và 1621). Trong giai đoạn truy tố, **Hà Tuấn A**, **A K**, **A T1** và **Nguyễn Tấn T2** đều xác nhận mình là

người dẫn cán bộ đi đo diện tích rừng bị hủy hoại và đều công nhận kết quả đo là chính xác (các bút lục số 2023A, 2031, 2037 và 2039).

[2.3]. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo **Hà Tuấn A** thay đổi lời khai cho rằng diện tích và vị trí rừng Cơ quan điều tra xác định là không đúng vì khi khám nghiệm hiện trường do cây rừng đã bị đốt nên bị cáo không xác định được vị trí rừng đã hủy hoại. Đối với các bị cáo còn lại cho rằng kết quả khám nghiệm hiện trường có sai sót về diện tích, vị trí nhưng các bị cáo đều không đưa ra được lý do chính đáng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Hà Tuấn A** cũng khai nhận hiện tại bị cáo không xác định lại được hiện trường đã hủy hoại rừng. Do đó, việc các bị cáo thay đổi lời khai về xác định vị trí cũng như diện tích rừng đã hủy hoại là không có cơ sở chấp nhận.

Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2024/HS-ST ngày 11/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum căn cứ kết quả khám nghiệm hiện trường, Biên bản thực nghiệm điều tra và lời khai trong quá trình điều tra của các bị cáo để xác định diện tích rừng các bị cáo hủy hoại là 10.443,18 m², tại khoảnh 2, khoảnh 5, **Tiểu khu E** và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ.

[3]. Tòa án cấp phúc thẩm dựa trên việc thay đổi lời khai của các bị cáo tại phiên tòa để hủy án sơ thẩm điều tra lại là không có căn cứ thuyết phục, không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án. Do đó, Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 01/2024/KN-HS ngày 16/12/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 382; khoản 3 Điều 388; Điều 391 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 01/2024/KN-HS ngày 16/12/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 17/2024/HS-PT ngày 19/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum. Giao hồ sơ vụ án để Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Quyết định của Hội đồng giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ I;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum (kèm hồ sơ vụ án);
- TAND huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum;
- Công an tỉnh Kon Tum;
- Người tham gia tố tụng (theo địa chỉ);
- UBND thị trấn Plei Kần, UBND xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi;
UBND xã Đăk Ruông, huyện Kon Rẫy;
UBND phường Trần Hưng Đạo, Tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum
(thay thông báo kết quả xét xử giám đốc thẩm);
- Lưu: Vụ GĐT, TT; P.HCTP, hồ sơ vụ án.

Lê Tự